

Nguyễn Du:

Những Ngày Chưa Quên



Trong hai mươi tám năm làm nghề dạy học, thời gian tôi dạy ở Nguyễn Du ngắn nhất, vốn vẹn có năm năm, mà còn bị bớt đi một năm tôi đi du học nước ngoài. Bù vào chỗ này, đó là thời gian sung mãn nhất của tôi, vì tôi về Nguyễn Du vào đúng tuổi “tam thập nhi lập”, và như một nhà thơ tiền chiến đã viết:

*Lòng người trai ba mươi,
Vui hơn tuổi lên mười,
Yêu hơn độ mười bảy,
Già hơn sắc năm mươi*

Nên thời gian tôi ở Nguyễn Du tuy ngắn, nhưng tình cảm của tôi dành cho ngôi trường này, các đồng nghiệp và học sinh, không dừng lại sau khi tôi đổi về trường khác, mà cứ tăng theo thời

gian, nhất là thời kỳ sau 30-4-75, và cho tới bây giờ.

Vâng, cho tới bây giờ, vừa vào tuổi “cổ lai hy”, những kỷ niệm về ngôi trường xưa bỗng trở nên sống động hơn bao giờ hết.

Nhiệm sở đầu tiên của tôi là Trung Học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Thời gian gần tám năm ở đây là thời gian bổ túc và ứng dụng vốn liếng gom góp được từ hai trường Sư Phạm và Văn Khoa Saigon. Kiến thức một sinh viên tốt nghiệp mới ngoài hai mươi còn cần phải bổ xung nhiều, nhất là kinh nghiệm giảng dạy. Thực tế có những cái không đúng như mình đã tưởng. Muốn thành công trong nghề dạy học, kiến thức chưa đủ. Nghề nào cũng có

những tiểu xảo, vấn đề là có nên dùng tiểu xảo trong nghề dạy học hay không, và dùng tới mức độ nào còn coi là chấp nhận được. Tôi nghiệm ra rằng đồng nghiệp và học trò rất tinh, vàng thau khó có thể lẫn lộn về lâu về dài được. Vả lại, hình như đa số những người chọn nghề dạy học đều rất khảng khái. Họ chấp nhận “không ăn khách” và “lạc đạo vong bản”.

Năm 1969, tôi được thuyền chuyển về trường Trần Lục, tiền thân của Nguyễn Du. Nhân nói chuyện thuyền chuyển, việc tôi được về Saigon là điều bất ngờ nhưng không phải ngẫu nhiên. Sau hai năm đầu ở Mỹ Tho, theo đúng nguyên tắc tôi có quyền nộp đơn xin về Saigon, và năm nào tôi cũng nộp đơn, tuy biết chẳng có hy vọng gì. Năm 1969, Tết đã qua rồi và các thuyền chuyển cũng đã xong, tôi “yên tâm công tác” và đợi tới kỳ nộp đơn tiếp. Bất ngờ vì tôi không đợi mà nó xảy đến, nhưng không phải ngẫu nhiên vì nó có nguyên nhân. Sau này ba tôi cho biết nhân dịp ba tôi về Saigon ăn Tết với gia đình - trong năm ông cụ ở Quảng Trị một mình trông nom một tiệm thuốc tây - tình cờ gặp lại một người bạn lo về nhân viên ở Nha Trung Học. Nhân lúc hỏi thăm nhau về gia cảnh, biết được tôi đã dạy ở Mỹ Tho hơn bảy năm mà chưa được thuyền chuyển, ông bạn nói với ba tôi ông có thể giúp vì tôi đủ điều kiện. Ba tôi không cho tôi biết, ý ông cụ đợi xem sao rồi hẵng hay.

Một hôm, ông Hiệu trưởng Phan Văn Huấn cho tùy phái mời tôi vào văn phòng và cho biết tôi có sự vụ lệnh đổi

về Saigon. Vì thấy tôi cũng bị bất ngờ và không có phản ứng gì rõ rệt, ông hiệu trưởng liền “chiêu hồi” tôi ở lại trường. Ông nói, “Bây giờ, ngoài mấy vị giáo sư già ra, anh thuộc nhóm tốt nghiệp Khoá 1 Đại Học Sư Phạm là chim đầu đàn trong trường. Anh có nhà cửa nhà trường cho ở, thời khoá biểu xếp linh động cho anh đi dạy tư để dành, bạn bè và quen biết rất nhiều và nhất là học trò đều mến anh. Về Saigon, có thể coi như anh làm lại từ hai bàn tay trắng.” Tôi cảm ơn ông và nói để tôi về nghĩ lại.

Nhưng tôi không phải nghĩ lại lâu. Ngay ngày hôm sau tôi đã vào gặp ông để thông báo quyết định của tôi. Tôi nhớ đã nói với ông, “Tôi thành thật cảm ơn ông hiệu trưởng đã có hảo ý và muốn tôi ở lại. Nhưng đây là một quyết định quan trọng, một quyết định để tôi trở thành một “người lớn”. Tôi biết về Saigon bây giờ là sẽ gặp khó khăn kiếm nhà thuê, nhất là kiếm chỗ dạy tư để phụ thêm vào số lương cứ nhỏ đi dần vì vật giá leo thang và số đinh trong nhà cũng tăng.

Nhớ lại hồi năm 1961 khi mới ra trường, lương độc thân hơn bảy ngàn đồng, phải năn nỉ không dạy thêm giờ phụ và xin sắp thời khóa biểu thật gọn, để mỗi tuần trưa Thứ Năm có thể về lại Saigon. Thời gian đó thật hạnh phúc, tiền bạc rủng rỉnh, chiều Thứ Năm đám bạn Văn Khoa đã đợi với danh sách các phim chiếu ở rạp nào. Suốt ngày lê la ở Văn Khoa, vậy mà cuối cùng cũng lấy được nốt hai chứng chỉ Cử nhân.

Ngay từ hồi còn học trung học ở

Huế, tôi đã mơ vào học ở Saigon vì nghĩ rằng đó là trung tâm văn hoá và nghệ thuật. Cho nên khi về dạy ở Mỹ Tho, tôi không bao giờ quên là một ngày nào đó tôi phải vào Saigon. Cho nên ngày dọn nhà về Saigon, lòng tôi thật hân hoan, tuy có lúc bất chợt thấy lo âu vì không biết bao giờ đời sống mới ổn định trở lại, và nao nao khi chợt nhớ lại nét mặt Lê Trọng Thủy - ông bạn thân thiết hàng xóm dạy Toán - khi nắm tay tôi và nói, “Châu ơi, mày nhất định bỏ Mỹ Tho và bọn tao đó hay sao?”

Tôi đến nhận nhiệm sở ở Trần Lục vào một buổi chiều mùa Hạ. Sở dĩ vào buổi chiều vì Trần Lục hồi đó còn đang dạy nhờ ở trường Tiểu Học Tân Định. Buổi sáng dành cho các học sinh tiểu học. Nhà trường chỉ có một khu nhỏ là riêng của mình: Văn phòng, phòng Hiệu trưởng, phòng Giáo sư ... tất cả gom vào một chỗ. Trường chỉ có tới lớp Đệ Tam, lên Đệ Nhị học sinh phải chuyển qua Petrus Ký.

Thầy Hiệu trưởng Nguyễn Văn Ngọc tiếp tôi tại bàn giấy của ông kê ở giữa phòng. Qua cặp kính cận thật dày, ông hấp háy nhìn tôi và mỉm cười nói mừng tôi về với Trần Lục. Tôi thích vẻ mộc mạc của ông. Ông cho tôi biết trường sẽ đổi tên là Nguyễn Du khi về cơ sở mới ở Cư xá Sĩ Quan Chí Hòa, khi đó còn đang xây. Đoạn ông giới thiệu tôi với thầy Dũng, Giám học, thầy Tuyển, Tổng Giám thị, mấy nhân viên văn phòng và giám thị. Cuối cùng ông đưa tôi qua một bàn dài phía trong cùng, đó là phòng Giáo sư. Lúc đó chỉ có hai ba vị, tôi nhớ nếu không lầm là thầy Cảo, thầy H.L.Toàn, và một vị nữ

giáo sư nữa mà tôi quên mất tên.

Vì quen với một trường lớn, cơ ngơi đâu ra đó, các nhân viên già từ thời Tây rất chững chạc và trang trọng, những buổi họp hội đồng giáo sư trong amphithéatre nghiêm trang, tôi không khỏi có cảm giác lạ lùng ngày đầu tiên tôi tới Trần Lục.

Nhưng ngay sau đó, cảm giác này được thay thế bởi một cảm giác dễ chịu, thoải mái. Tôi thấy có cái gì đó thân quen, giao tiếp với các giáo sư khác và ban nhân viên thật dễ chịu, đầy không khí gia đình. Dạy ở địa điểm Tân Định có cái thú là hôm nào về sớm, tôi thường la cà quanh khu Hai Bà Trưng và Yên Đổ, ghé tiệm này tiệm nọ, hay vào quán cà phê ở góc đường ngồi ăn uống lai rai, nhìn thiên hạ.

Trong số học sinh tôi dạy năm đầu ở Trần Lục, chỉ còn một em có liên hệ đặc biệt với tôi, và có lẽ là độc nhất trong đời “godautre” của tôi. Tôi dạy H.T. Lý lúc đó học Đệ Tam. Hình ảnh về em mà tôi còn hình dung ra được là một cậu bé khá cao, trắng trẻo, ăn nói nhỏ nhẹ và học rất giỏi. Năm sau em về học Pétrus Ký. Có hai chi tiết đặc biệt về em. Sau kỳ đầu đậu Tú Tài II ít lâu, Lý đến thăm tôi và cho tôi biết vì làm một bài thi mà em tự đánh giá chỉ đủ điểm trung bình, như vậy sẽ ảnh hưởng tới thứ hạng văn bằng của em, nên em đã bỏ một môn để thi lại kỳ hai. Em nói muốn xin được học bổng thì phải đậu ít nhất hạng Ưu, còn tự túc ít ra cũng phải hạng Bình. Một hôm, Lý tới nhờ tôi viết thư giới thiệu để em bỏ túc hồ sơ xin học ở một trong các trường

thuộc Ivy League. Tôi cũng không thắc mắc tại sao em không nhờ thầy đang dạy em viết thư giới thiệu. Về sau tôi được biết ba trường lớn đã chấp nhận cho em học, và em đã chọn học ở Yale.

Quan hệ giữa tôi và Lý không ngừng lại ở mức thầy - trò, mà giữa hai gia đình. Hồi Lý còn đang học bên Mỹ, mẹ Lý thỉnh thoảng từ Gò Vấp lặn lội tới khu Nguyễn Thiện Thuật để cho tôi hoa trái và trứng gà. Bà cụ bảo có chút quà cây nhà lá vườn để “thầy tắm bổ”; nhân thể cho biết qua loa về việc học của em. Sau 30-4-75, liên hệ càng thân hơn khi thầy mẹ Lý dọn nhà về Cư xá Công Lý, trước chùa Vĩnh Nghiêm. Nơi đây tôi lui tới nhiều hơn, ăn phở Công Lý vào buổi sáng, chơi mạt chược với một bạn giáo sư ở phía mặt tiền vào buổi tối. Cụ thân sinh ra Lý coi tôi như bạn vong niên và mê mạt chược. Tôi chỉ biết chơi mạt chược sau 4-75. Chúng tôi đi chơi ở nhiều địa điểm khác nhau, và khi tôi qua Mỹ thăm bạn bè ở Cali, cụ đã lôi tôi tới chơi ở nhà một ông Nghị viên. Cụ cũng nhờ tôi kèm Anh Văn cho tất cả các em trai và gái của Lý. Các em khi qua Mỹ đều thành đạt, đặc biệt là cô em út khi tốt nghiệp đại học đã được bà Gorbachev trao bằng, nhân dịp bà cùng chồng thăm Hoa Kỳ. Em tiếp tục qua Stanford học và đậu PH.D về Tin học. Khi qua Mỹ, ghé Boston hay Westminster, tôi đều ghé ở lại nhà cụ thân sinh ra Lý, cũng như lúc cụ đã ngoài tám mươi vẫn một mình bay qua Ottawa ở chơi với gia đình tôi một tuần. Mẹ Lý rất thích kể lại hồi năm 1977 hay 78 gì đó, thời gian “đội” nhất. Một hôm bà cụ tới nhà tôi cho cái gì đó, vợ chồng tôi đi dạy học,

chỉ có cháu bé ở nhà. Lúc đó cháu mới lên tám, người gầy yếu, bà cụ phải bê hộ nồi cơm điện lên cái bàn cao, vậy mà cháu còn biểu diễn xào rau muống “không người lái”, không cần mỡ, cho cụ coi.

Tôi rất trân quý mối liên hệ hiếm hoi này và luôn thầm cảm ơn gia đình cụ đã luôn luôn ở bên gia đình tôi vào thời kỳ khó khăn nhất.

Thời gian Trần Lục đổi tên thành Nguyễn Du khi dọn về Cư xá Sĩ Quan Chí Hòa là thời gian đầy ấn tượng trong đời tôi. Lúc đó trường mới xây xong,



chung quanh chỉ có hàng rào, chưa xây tường, nhưng với hai tầng lầu dài, đủ để có Văn phòng, phòng Hiệu trưởng, phòng Giáo sư đầu vào đó. Đặc biệt là mở thêm tới lớp Đệ Nhất, nên giáo sư có thể tới dạy Đệ Nhị Cấp vào buổi sáng và Đệ Nhất Cấp vào buổi chiều. Trong thời gian này, tôi đã được một người bạn giới thiệu dạy Anh Văn tại một trường Tàu ở Chợ Lớn vào buổi sáng, nên tôi đã xin dạy một số lớp vào buổi chiều. Vì không có nhu cầu giáo sư Anh Văn Đệ Nhất Cấp nên tôi được xếp dạy Sử Địa cho Lớp Đệ Thất và Đệ Lục.

Điều lý thú là số học sinh buổi chiều tôi dạy rất ít so với số học sinh buổi sáng, nhưng không hiểu tại sao những học sinh cũ mà tôi gặp lại sau này đều là học sinh Thất, Lục. Tôi cũng không ngờ tại Ottawa đã có ba học sinh tới nhận tôi và cho biết học Sử Địa với tôi. Tôi gặp lại Đào ngay năm 1989 khi tôi mới qua Canada. Lúc gặp lại thật bất ngờ và cảm động. Trên xe buýt đầy người đi làm vào buổi sáng, một thiếu phụ đi về phía tôi và nói, “Chào thầy. Con là Đào, thầy có nhận ra con hay không?” và không kịp nghe tôi trả lời, Đào nói luôn, “Hồi đó con học Đệ Thất ở Nguyễn Du.” Chi tiết này giúp ký ức tôi làm việc nhanh hơn. Tôi nhớ tới cô bé mắt to ngồi bàn đầu, rất hoạt động và có vẻ như điều khiển được cả đám con trai ở “xóm nhà lá”. Còn Hoan tôi gặp lại ở sân tennis Đại Học Ottawa, lúc em chưa học xong PH.D. Mạnh tôi cũng gặp ở sân tennis, mãi về sau và đã đi làm rồi. Cả hai đều đến chào tôi và nhận thầy, nếu không tôi chẳng thể nào nhớ được.

Chuyện hầu như chỉ trò nhớ thầy cũng dễ giải thích. Mỗi lớp, tuần học Sử Địa có hai giờ, mà lại là lớp nhỏ. Thầy dạy quá nhiều học trò thì làm sao nhớ được. Chỉ em nào có cái gì thật đặc biệt mới được thầy để ý và nhớ lâu hơn, chẳng hạn như thật giỏi hay thật dở, thật nghịch ngợm và lười biếng, hoặc có năng khiếu về thể thao hay văn nghệ . . . Các em lớp nhỏ chưa lo thi cử, nên cả thầy và trò đều thoải mái. Bài vở chẳng có gì, lại có sẵn sách, tôi khuyến khích em nào không có sách thì ráng mua để khỏi mất thì giờ chép bài trong lớp. Cho nên giờ học sau khi

giảng bài xong, thì giờ còn lại là giờ kể chuyện, mọi chuyện tôi biết liên quan tới bài học. Tôi muốn mở rộng thêm kiến thức tổng quát cho các em và làm các em cảm thấy thích môn học thường bị coi là thứ yếu trong học trình. Có lẽ cũng vì thế mà các em nhớ tôi lâu hơn. Nếu đây là một điều hay, thì tôi phải nói đó là nhờ thầy Đàm Xuân Thiều. Tôi chưa từng bao giờ là học sinh của thầy Thiều. Tôi học ở Quốc Học, Huế. Kỳ thi Tú Tài II năm 1958, tôi vào vấn đáp môn Sử Địa với giáo sư Thiều. Câu hỏi tôi bốc trúng liên quan tới nước Đức trong thời Đại Chiến II. Chi tiết để trả lời đúng vào câu hỏi thì tôi không nhớ. Chẳng lẽ đứng ì ra, tôi nói lòng vòng quanh đó, thầy cứ gật gù để tôi nói gần nửa giờ. Sau cùng thầy hỏi, đã xong chưa, tôi bẽn lẽn gật đầu. Thầy nói, “Anh không trả lời trúng vào câu hỏi, nhưng điều anh nói chứng tỏ anh đã đọc nhiều. Tôi cho anh đủ điểm trung bình.” Tôi rối rít cảm ơn, và từ đó về sau mỗi lần gặp hay nhắc tới giáo sư Thiều, tôi đều dùng chữ Thầy một cách yêu kính. Tôi vẫn còn nhớ sau 4-75, tôi thỉnh thoảng gặp thầy cô ra ăn phở ở tiệm đầu đường Nguyễn Thiện Thuật và Hồng Thập Tự. Lần đầu tôi xin phép thầy cô ngồi cùng bàn. Khi ăn, tôi nhắc tới chuyện trên. Thầy cô nhìn tôi thật hiền và vui vẻ.

Về địa điểm mới, Nguyễn Du dần dần đi vào nề nếp. Tôi đặc biệt nhớ tới một truyền thống bất thành văn là trong các dịp quan hôn tang tế, một số đồng giáo sư và nhân viên văn phòng đã có lệ tự động quyên tiền đóng góp. Hình thức tương trợ này ngoài việc giúp đỡ thiết thực, còn nói lên được cái tình của

mọi người đối với nhau. Không khí “làng xã” này rất phù hợp với bản tính của tôi. Một điểm khác nữa là nhiều giáo sư trẻ rất chịu khó đi học thêm ở các trường đại học với mục đích thăng trật hoặc chuyển ngành. Rồi một kiosk nhỏ được dựng lên ở gần cổng ra vào. Ai cảm thấy có khả năng thì đứng ra “thầu”, cung cấp học liệu lật vật cho học sinh với giá rẻ, thực phẩm nhẹ và cà phê thuốc lá cho nhân viên. Đây là địa điểm lý tưởng cho mấy thầy giáo ngồi nói đủ thứ chuyện trên đời vào các giờ trống. Ở đây, tình bạn của một số trong bọn tôi là vượt quá xa tình đồng nghiệp. Giám học Dũng và Tổng Tuyển vì “quan trên” trông xuống, “học trò” trông vào, nên ăn nói còn phải ngó trước ngó sau, còn đám thầy giáo bọn tôi thì thật thoải mái. Không biết căn cứ vào đâu mà Tổng Tuyển một hôm đã đổi một bài thơ xưa rồi ghép bốn tên trong đám chúng tôi vào:

*Nguyễn Du có bốn anh hùng,
Toàn gian, Long lão, Bàng không, Châu ngu*

Đọc xong, ông ta cười hô hố và nói, “Đáng lẽ me-sử Châu cũng phải đổi sang họ Đỗ.” Quả vậy, tôi họ Nguyễn, còn ba “vị” kia là Đỗ Quý Toàn, Đỗ Kim Bàng, và Đỗ ngọc Long.

Hàn Long Toàn dạy Toán, còn Toàn này dạy Văn, là một nhà thơ, nhà báo khi còn ở Saigon chuyên viết “phiếm”, một nhà giáo dục, và hiện giờ là một nhà phân tích kinh tế và chính trị xuất sắc, thường được các đài phát thanh ở Hoa Kỳ và Pháp phỏng vấn. Tôi không đủ khả năng để thấy Toàn “gian” ở chỗ nào cả. Hồi đó hàng tuần chúng tôi

phải vào trực đêm trong trường, tổ tôi có Toàn, Bùi Văn Hiệp, Đỗ Ngọc Long, và tôi. Lần đầu tán chuyện, đọc sách để đợi lúc đi ngủ. Sau chán qua, tôi nghĩ tới chuyện chơi chắn, nhưng thiếu tay nên tôi phải gọi thêm P.K.Anh, dạy cùng với Long và tôi ở Regina Pacis, tới cho có đủ năm chân. Thế là chúng tôi có một tổ chắn “còm” rất lành mạnh. Toàn đi thoát khỏi Việt Nam ngay từ 4-75 và định cư ở Montreal, Canada. Khoảng hai tuần, sau khi tôi được người anh bảo lãnh qua Canada; vào cuối tháng 3-1989, vợ chồng Toàn đã lái xe xuống Aylmer, Quebec, nằm bên kia sông Ottawa, thăm chúng tôi. Toàn mang cho tôi một số sách, truyện; và chị Duyên - có tiệm thuốc tây ở Montreal - thì cho nhà tôi một số thuốc. Khi đó, chúng tôi còn đang ở nhờ nhà anh tôi, Toàn xin phép đưa vợ chồng tôi qua Ottawa chơi, vào ăn bánh cuốn ở quán Phở Bắc ở Phố Tàu. Khi trở về gần đến nhà, Toàn cởi chiếc Sportscoat đang mặc đưa cho tôi, cười nói, “Ông giữ lấy mà mặc. Tôi không đưa cho ông ở trong nhà vì thấy nhà anh ông sang quá, sợ hurt ông ấy.” Chiếc áo đó tới nay tôi vẫn thường mặc khi trời đã ấm hơn vào mùa xuân và chưa quá lạnh buổi tàn thu. Vợ chồng Toàn đã qua ở hẳn Cali để hoạt động văn nghệ. Trước khi đi, Toàn lái xe xuống thăm tôi. Chúng tôi ngồi ở vườn sau, lơ đãng nhìn lá rơi. Khi chỉ có hai người, ngồi bên nhau, nói chuyện thì ít mà yên lặng thì nhiều. Chúng tôi thích khoảng thời gian như vậy. Hiện thời, có dịp qua lại Mỹ và Canada, nếu có thể chúng tôi vẫn gặp nhau.

Vị anh hùng thứ nhì là Đỗ Ngọc

Long. Long dạy Văn và Triết. Long cao lớn. Chơi bóng chuyền, tôi chuyên nâng bóng cho Long đập. Nhưng Long ăn nói nhẹ nhàng, giọng trầm ấm, và khi đi cũng chậm chạp. Các nữ sinh đã nhận xét rất đúng, “Thầy Long đi như trôi vào lớp.” Long hát hay, làm thơ tình cũng tuyệt. Nhưng Long chỉ cho một hai người bạn rất thân đọc, sau đó bỏ đâu tôi cũng không biết. Chơi rất thân với Long, tôi thấy tuyệt đối không có chỗ nào có thể nói là “Long Lão” được. Dù đã về Y khoa từ năm 1973, tôi vẫn thường xuyên liên lạc với Long, nhất là sau 4-75 thì hầu như mỗi ngày, Long chỉ cho tôi bí quyết viết “sơ yếu lý lịch”, vụ này cứ phải làm đều đều dài dài. Đại khái là viết thật ngắn, chỉ viết những chi tiết chính, các con số cần thiết, và phải nhớ kỹ cái gì mình đã viết lần đầu. Tiện nhất là sao lại một bản, lần sau phải viết chỉ thay đổi cái “râu ria”, còn cái chính phải y chang như cũ. Tiếc rằng lúc tôi biết thì đã trễ, vì ngay lần đầu tiên ở phường khóm, tôi đã khai đủ thứ trên đời. Về sau bổ túc hồ sơ cho con gái tôi mới lên chín ra tập huấn môn thể dục dụng cụ ở Hà Nội, Phòng Tổ Chức thuộc Sở Thể Dục Thể Thao thành phố đã bác đơn vì phần lý lịch tôi khai thiếu mất hai chi tiết so với tờ khai ở phường. Tôi đã giải thích vì thiếu chỗ nên tôi phải tóm tắt, trưởng phòng bảo được cứ về, nhưng rốt cuộc con tôi vẫn cứ ở nhà. Cô cán bộ huấn luyện con tôi đã mách nước cho tôi giải thích với Phòng Tổ Chức, nay thấy vô hiệu, đã trút cái bực bội lên đầu tôi, “Sao anh dạy thế, đã Bắc kỳ di cư thì khai nhiều làm gì. Con bé rất có năng khiếu.”

Khi Long chỉ cho tôi cách khai lý

lịch, tôi hỏi đùa Long làm sao mà hay vậy, cán bộ nào chỉ mách cho thế. Long chỉ mỉm cười. Long kể cho tôi một hôm có một cán bộ tới tìm Long tại nhà ở đường Phan Thanh Giản và trao cho Long một lá thư. Đó là thư của ông Hoàng Văn Hoan. Thư cho biết ông thân sinh của Long là đồng chí hoạt động trong bóng tối cùng với ông Hoan và ông Nguyễn Lương Bằng. Đó là ông Đỗ Ngọc Du, bí thư thành ủy đầu tiên của Hà Nội. Ông Du bị tù ở Côn Đảo, chết năm 1938 vì bệnh lao, khi Long mới lên hai. Ông Hoan dặn Long cứ yên tâm công tác, “Các bác luôn luôn chiếu cố tới con cháu đồng chí” có chuyện gì cần thì cứ liên lạc với người đưa thư. Nhưng Long làm sao yên tâm công tác được. Cái đầu đầy triết tư sản khó tẩy lăm. Có lần Long đã đi vượt biên nhưng không thành. May sao chị Long trước học ở Tân Tây Lan, xin thầy cũ đứng ra bảo lãnh cho gia đình Long qua bên đó được. Long được đi khoảng năm 1984 - 85 gì đó. Thời gian trước khi đi, Long thường kêu hay đau bụng, cả Long và chúng tôi đều nghĩ là nhiều lo âu dễ làm người ta đau dạ dày lăm. Như đã nói ở trên, Long rất to con, bạn bè gọi là Long Voi, nên ăn cũng rất khỏe. Buổi sáng sớm những hôm chơi tennis, chúng tôi thường ăn phở gánh ở đường Kỳ Đồng. Khi tôi chưa ăn hết nửa tô thì Long đã ăn xong, và lúc nào cũng có vẻ còn thòm thèm. Những lần Long ghé nhà tôi, gặp giờ cơm hay nhà có món gì đặc biệt, Long vào ăn rất tự nhiên. Nhà tôi cứ áy náy là không có nhiều để Long ăn thỏa thuê. Khi ra về, Long có thói quen vỗ nhẹ vào má tôi thay lời chào. Long hơn tôi hai tuổi, và đối với tôi như anh với em.

Lá thư đầu Long gửi về cho tôi từ Tân Tây Lan cho biết vừa mới tới phi trường Bangkok thì Long đã bị đau bụng dữ dội, không ăn uống được gì cả. Tối Tân Tây Lan, thì mới biết bị ung thư dạ dày và đã lan sang các cơ quan chung quanh. Long bảo lần cuối chơi tennis với tôi bị thua là vì bị bệnh, nên chưa tâm phục. Tôi nhớ buổi sáng hôm đó như thường lệ chúng tôi ghé ăn phở ở Kỳ Đồng. Tôi ngạc nhiên vì đã ăn xong rồi mà Long vẫn còn gần nửa tô. Long nói bụng ngâm ngấm đau, ăn không thấy ngon. Long kể đi làm ở hãng giày Adidas và giờ ăn “mình chỉ ăn được tí súp, cắn bi-tết một miếng rồi bỏ. Phải chi có thể gửi về cho các cậu những phần bi-tết của mình.” Mấy thư sau Long phải đọc cho con gái viết. Rồi Long ra đi vĩnh viễn, hình chị Long gửi về cho tôi là một Long mà tôi chỉ nhận ra được cặp môi. Chứng bệnh đã tàn phá Long nhanh quá.

Đỗ Kim Bảng là đại lão trong số bốn chúng tôi. Bảng tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm ở Hà Nội; và trước khi di cư, lúc còn học Đệ Nhất Cấp, tôi đã nghe ngao bài Mùa Thi nổi tiếng của Bảng:

*Thi ơi là thi
Sinh mi làm chi
Ôi đời đời
Khóc cùng cười
Hòa theo mùa thi*

Thời còn đi học, may mắn tôi chưa một lần khóc theo mùa thi. Nhưng trong thời đi dạy học, tôi đã hai lần “khóc”, vì bị hành hung khi đi coi thi ở Long Xuyên và Biên Hòa. Tôi chưa từng làm

biên bản một thí sinh gian lận nào, chỉ tịch thu tài liệu quay phim hoặc bài đánh tráo từ ngoài đem vào, rồi cho giấy thi khác làm tiếp. Tôi không khóc vì cả hai lần đều không trúng đòn, nhưng “khóc” khi về Nha Trung Học báo cáo thì được dặn dò, “Thôi, em phải cẩn thận. Lần sau “qua” không đưa em về nơi đó coi thi nữa.” Tuy vậy, mùa coi thi dù sao vẫn là thời gian thư giãn, nhất là những lần đi coi thi cùng với Long, mà lại gặp Chu Hoài Nhân ở cùng hội đồng thi. Nhân là cháu cụ Chu Mạnh Trinh, tôi thường đùa bảo Nhân là không được chút tài hoa nào của ông cha cả, ngoài tài đánh bạc. Long và tôi rất tin tài chơi xì phé của Nhân. Hè 71 khi coi thi ở Cần Thơ, tôi và Long gom tiền đưa cho Nhân, kỳ đó chúng tôi đều đi ăn cơm Tây hay nhà hàng “đặc sản.”

Như đã bào chữa cho Toàn và Long, tôi không thể không biện hộ cho Bảng. Khi tranh luận, mặt Bảng hay đỏ lên và giọng cao hơn. Đó chỉ là cách để truyền đạt một cách thuyết phục lập luận của mình. Vả lại, làm nghề dạy học, thường càng lớn tuổi càng gàn, mà gàn nhiều dễ bị ngộ nhận là khùng lắm.

Còn tôi, tôi đã nghĩ sao khi được tặng chữ “ngu”. Tôi thấy đúng quá đi chứ, chẳng có gì phải bàn, cãi cả. Đã



không biết bao nhiêu lần tôi tự xỉ vả tôi, “Châu ơi, làm sao mày có thể ngu thế!” Như vậy chỉ nói ngu thôi là còn nhẹ tay, còn thương đấy. Nhiều bạn khác còn thay chữ “ngu” bằng chữ khác ghê hơn nhiều, tôi cũng chẳng dám cãi.

Sau 4-75, còn hai người bạn nữa mà tôi chơi rất thân, thường xuyên gặp nhau cho tới ngày tôi xuất ngoại. Đó là Trương Tiểu Oanh, còn được bạn bè thương gọi là Oanh Ngồi, và Bùi Thế San, với nickname San Gà. Tôi hỏi Oanh tại sao có tên này, Oanh chỉ cười. Còn San thì nói, “Bà xã tao tên Nga, tao ký tên hai người với nhau, thành Sanga, “bọn xấu” nó chế ra thành San Gà.” Tôi cười, bảo, “Mày ký thế thì bắt người ta gọi khác làm sao được.” Vì dạy ở đại học rảnh, tôi thường về lại Nguyễn Du chơi với bạn bè cũ, nhất là sau năm 75, hầu như tuần nào tôi cũng về chơi bóng chuyền ít nhất một lần với Long, Oanh, Mậu, Hoàng, Nhiếp, San . . . Sau này tôi còn chơi tennis với Oanh tuần ba lần ở sân Thoại Ngọc Hầu. Trước khi chơi thì thỉnh thoảng ăn phở, còn sau khi chơi phải là cà phê, tán gẫu. Qua tennis, tôi học được ở Oanh hai cái khôn là làm sao giữ tinh thần luôn luôn thoải mái và cách suy nghĩ tích cực, lạc quan. Oanh thường bảo tôi, “Chơi cốt cho ra mồ hôi thôi mà” và khi thua đến nơi rồi Oanh vẫn nói, “Còn da lông mọc”. Quả vậy, có những trận đảo ngược thế cờ, lông không những mọc được, mà còn mọc xum xuê nữa.

San ngay từ lúc đứng ra khai thác kiosk đã lộ cái tài “sĩ kiêm bách nghệ” của mình, và sau 4-75 thì cái tài đó nở rộ. Khi tôi chưa được phép dạy tư Anh

Văn thì San đã xoay sang buôn bán rồi. Hai mặt hàng San thường cung cấp cho các quán cà phê và bạn bè là đường và sữa đặc. Hỏi kiếm ở đâu ra, San nói túng thì phải tính. Máy ly tâm ở máy giặt được dùng ở các lò đường, còn sữa đặc là trộn sữa bột với đường và ít nước. Thỉnh thoảng San ghé vào nhà tôi, quăng cho tôi bịch đường, “để mày cải thiện”, hay hôm nào khá hơn thì lôi tôi tới Sân Cộng Hoà nhậu bia hơi .

Một tài khác nữa là San đoán Tử vi và nhất là bói Dịch. Tài này không đem tiền lại cho San, nhưng cà phê thuốc lá và những bữa cơm gia đình là chuyện thường xuyên. Hình như San đã bắt đầu trau dồi nghề này từ khi còn dạy ở Bình Dương, sau năm 75 là đào sâu thêm và thực nghiệm. Riêng đối với gia đình tôi thì tài bói Dịch của San thật lạ lùng. San nói trúng thời gian tôi được xuất cảnh, rồi bị từ chối khi phỏng vấn, trong khi một người bạn chung khác của hai chúng tôi dùng tử vi thì lại nói ngược hẳn lại. Em rể tôi vượt biên và bị bắt giam ở Vũng Tàu. Hăm ba Tết, người bạn kia dùng tử vi nói với mẹ tôi, “Nó mà được về trước Tết thì con mất cho cụ hai lạng vàng”. San ngồi bên, thấy mẹ và em gái tôi nước mắt rùng rùng, bèn nói, “Cụ lấy hộp tăm bốc cho con mấy cái”. Đếm xong mấy cái tăm, San suy nghĩ một lúc rồi nói, “Hai mươi tám Tết thăng Th. sẽ có mặt ở nhà”. Chiều hăm tám Tết, em rể tôi lừng lững về nhà thật. Phải nói ngay là người bạn kia rất được nể phục về tài đoán tử vi, có thể, vì vậy mà San chuyển qua bói Dịch. Tôi thì nghĩ rằng giữa người bói và người xem bói, nếu có cái gì đó phù hợp với nhau, hoặc có duyên với nhau,

thì bói sẽ trúng. Do đó, San thường bảo người muốn coi bói phải tập trung, nghĩ về điều mình muốn biết, tâm có động thì mới linh được. Có lẽ tôi hợp với San hơn là với người bạn kia.

Cái “tài” cuối cùng của San thì quả là độc đáo. Hồi đó phong trào đi học Tài Chi rất mạnh. San theo học một võ sư gốc Hoa và sau cũng đi huấn luyện tại các bãi tập như ở các sân chùa, nhà thờ, hoặc công viên. Qua võ thuật, San tìm tòi về y thuật liên quan tới các huyết đạo rồi chuyển qua châm cứu. Các học viên lớn tuổi bị đau nhức chỗ nọ chỗ kia, San dùng châm cứu giúp được nhiều người bớt đau hoặc khỏi hẳn. Tùy theo chứng bệnh, khi thì San dùng kim (châm) khi thì dùng sức nóng (cứu) để kích thích các huyết đạo. Dùng kim dẫn huyết thì chỉ được một thời gian ngắn, San kích thích huyết lâu hơn bằng cách chích B12 vào ngay huyết, thời gian thuốc tan được tính theo giờ. Tình huống này từ hoà đến thắng, vì dù sao B12 cũng chỉ coi như thuốc bổ. Sau San còn nghĩ ra được cách kích thích huyết nhiều ngày và nói công hiệu lắm. Tôi không biết bao nhiêu người đã được San chữa bằng cách này, nhưng chắc chắn có ít nhất một người, đó là nhà tôi. Hồi đó nhà tôi bị đau thần kinh tọa, Tây y chữa mãi không khỏi, chuyển sang Đông y. Thôi thì thuốc Bắc, thuốc Nam, ai chỉ đâu thử đó. Có cả đĩa hút máu, một trăm con ong chích sưng cả người, cũng không hết. San bảo thử dùng cách mới của San xem sao. San dùng một kim chích lớn - loại kim dùng chọc đốt sống thắt lưng - chích vào huyết đạo, kể đó cắt một mẩu nhỏ chỉ phẫu thuật tự tan (catgut) bỏ vào nòng

kim, rồi dùng một kim nhỏ khác như piston đẩy mẩu chỉ vào tới huyết. San nói, giống như B12, mẩu chỉ sẽ kích thích huyết, nhưng cả tuần là ít. Dĩ nhiên San rất cẩn thận thực hiện thanh trùng trong tất cả các khâu đoạn này.

Sau đợt trị liệu này, chúng tôi bận rộn lo các thủ tục giấy tờ và nhà cửa để xuất ngoại nên quên luôn về cái đau thần kinh tọa của nhà tôi. Qua bên này rồi, cả năm sau mới nhớ đến, và tự hỏi không hiểu cái gì đã làm nhà tôi hết đau, nọc của một trăm con ong hay khúc chỉ catgut nằm trong huyết đạo. Điều tôi biết chắc là San có khá nhiều bệnh nhân và không có “sự cố” nào cả. Thôi thì cứ cho là “phúc chủ lộc thầy”, câu nói mà San thường dùng mỗi khi có ai cảm ơn San đã bói trúng hay chữa lành một chứng đau nào đó cho mình. Nếu còn ở lại Việt Nam, không biết San sẽ đưa cái tài này tới đỉnh cao nào, vì sau tôi một thời gian, San cũng đã được xuất cảnh đi Mỹ.

Không thể nói hết được, nên tôi muốn dành sự kính trọng đặc biệt cho người cuối cùng ở Nguyễn Du mà tôi nhắc tới trong bài này. Đó là thầy Hiếu trưởng Nguyễn Văn Ngọc. Như đã nói ở trên, ấn tượng đầu tiên của tôi về ông là vẻ mộc mạc. Ông ăn mặc giản dị, ít nói và gần như khắc khổ. Ông nghiêm nhưng thương học trò. Nếu không bận dạy học hay lo giấy tờ ở văn phòng, ông thường đi quanh trường, để ý tới mọi thứ để hoàn chỉnh ngôi trường mới cơ bản xây xong, còn nhiều thứ khác phải hoàn tất. Tôi về trường mới khoảng một năm đã được một fellowship của Colombo Plan qua học ở Đ.H. Sydney, Úc.

Về dạy lại được hơn hai năm thì xin được về dạy Anh Văn chuyên môn ở Đại học Y Khoa Saigon. Lần nào cầm đơn vào đưa cho ông, tôi cũng thấy lúng túng, nhưng vẻ điềm nhiên của ông làm tôi cảm thấy yên lòng. Ông chỉ đọc rồi ký đơn chứ không nói gì cả. Chỉ khi tôi vào nhận sự vụ lệnh về Y khoa, ông mới nói với tôi, “Không như một vài ông hiệu trưởng khác, tôi không bao giờ muốn cản bước tiến của nhân viên mình. Tôi linh động sắp giờ dạy cho các giáo sư cần đi học thêm ở các trường đại học, và không bao giờ gây khó dễ cho những ai có ý định rời trường. Và bây giờ tôi thành thực chúc mừng anh”. Có lẽ đây là lần đầu ông nói chuyện với tôi như thế. Sau 30-4-75, tôi được nghe kể là giao trường xong cho ban tiếp quản, ông đã bỏ về và không bao giờ trở lại trường nữa. Chúng tôi bảo nhau là ông đã cáo quan về ở ẩn, hái rau vi cho qua ngày. Về sau tôi nghe nói ông đã đi tu. Cho tới một hôm tôi được San báo tin ông đã mất. Về khu Ông Tạ đưa ma ông, gặp lại một số giáo sư cũ của trường, chúng tôi không ai không ngậm ngùi. Tôi càng cảm phục ông thêm khi nghe các bà bán hàng ở chợ bên đường tán tụng, “Xưa ông ấy làm Hiệu trưởng đấy. Giờ sống rất đạo hạnh. Mấy đứa con ông ấy đều nên người cả.”

Từ ngày tôi về dạy Nguyễn Du, tính tới nay đã tròn tròn bốn mươi năm. Một nửa đời người, thời gian qua thật nhanh. Nhưng nghĩ lại, đã biết bao vật đổi sao dời trong khoảng thời gian này. Biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui, chuyện đau lòng mà người ta cố quên đi để mà sống. Quả vậy, con người sống

được vì có khả năng quên và quên. Nhưng chính còn nhờ những kỷ niệm đẹp, những người đã cho mình biết thế nào là cái ngọt ngào, đậm ấm của tình bè bạn và thầy trò, mà tôi coi là những ân huệ mà cuộc đời đã ưu ái dành cho tôi và giúp tôi an nhiên sống những ngày tháng còn lại ở xứ người.

**Thầy Nguyễn Phong Châu
Cựu Giáo Sư Trường Nguyễn Du**

